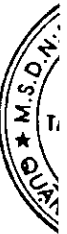




**TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG VIỆT NAM**

*Báo cáo Tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 26

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam theo Quyết định số 3587/QĐ-BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (tên giao dịch quốc tế là VIETNAM COTTON JOINT STOCK COMPANY - viết tắt là VCC) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007036; đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây lấy sợi: trồng bông vải; sản xuất giống bông, cây trồng nông nghiệp
- Sản xuất dầu mỡ động, thực vật
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, dịch vụ hỗ trợ trồng trọt khác.
- Sản xuất sợi: chế biến bông, sản phẩm bông sau thu hoạch
- Sản xuất vải dệt thoi: sản xuất sản phẩm dệt may; Sản xuất sản phẩm từ plastic; - Sản xuất sắt, thép, gang
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thiết bị phục vụ sản xuất bông
- Mua bán bông xơ, mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc vào vệ thực vật
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kĩ thuật: dịch vụ nghiên cứu và phát triển ngành khoa học tự nhiên, công nghệ, dịch vụ nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học nông nghiệp; khoa học công nghệ vào cuộc sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp

Vốn điều lệ của Công ty: **50.000.000.000 VND** (Năm mươi tỉ đồng chẵn)

Quy mô đầu tư

Tên	Địa chỉ
Các đơn vị thành viên	
Chi nhánh tại Gia Lai	Thôn 7, Xã IaBlang, huyện Chư Sê, Gia Lai
Xí nghiệp Dịch vụ thương mại ngành bông	115-17 Đường D2, Quận Bình Thạnh – Tp.HCM
Chi nhánh tại Phan Thiết	Lô 1/5 Khu công nghiệp, Phan Thiết, Bình Thuận
Chi nhánh tại Nha Trang	68A đường 2 tháng 4, Vĩnh Hải, Nha Trang
Chi nhánh tại Bình Dương	Ấp 2, xã Thới Hòa, huyện Bến Cát, Bình Dương
Chi nhánh tại Đồng Nai	Ấp Tân Thái, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

Công ty liên kết

Công ty CP Bông vải Miền Trung
Công ty CP Sợi Phú Bài

Vốn đầu tư

9.327.366.514 VND
2.696.637.541 VND

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 12.129.556.104 VND. (Năm 2011 lợi nhuận sau thuế là 24.830.129.504 VND)

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là 15.213.469.614 VND. (Năm 2011 lợi nhuận chưa phân phối là 19.024.715.219 VND).

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông : Trần Anh Hào	Chủ tịch
Ông : Trần Thanh Hùng	Thành viên
Ông : Vũ Xuân Long	Thành viên
Ông : Hồ Đăng Phú	Thành viên
Ông : Nguyễn Hữu Thành	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

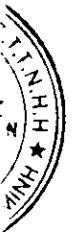
Bà: Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban kiểm soát
Ông : Lê Xuân Hòa	Thành viên
Bà: Bùi Thị Diệu Hương	Thành viên

Các thành viên của Ban giám đốc bao gồm:

Ông : Trần Anh Hào	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Dương Việt Thành	Giám đốc điều hành
Bà : Lê Thị Lý	Giám đốc điều hành
Bà : Nguyễn Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng

Sở hữu cổ phần của cổ đông tại ngày 31/12/2012:

Tên	Số cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ % trên tổng vốn đã góp
Vốn nhà nước tại Công ty	2.750.000	55,00 %
Chi nhánh Công ty Tài chính dệt may	30.000	0,60 %
Bà Chu Thị Phương Dung	128.000	2,56 %
Bà Hoàng Thị Hương	65.400	1,31 %
Bà Hoàng Thị Băng Thanh	30.000	0,60 %
Ông Hoàng Vinh Quang	20.000	0,40 %
Ông Hồ Văn Sáu	30.000	0,60 %
Bà Lê Hồng Mai	20.000	0,40 %
Bà Lê Thị Lý	26.300	0,53 %
Bà Lê Thị Thu	436.600	8,73 %
Ông Lê Văn Lực	28.000	0,56 %
Ông Nguyễn Hữu Bình	40.000	0,80 %
Ông Nguyễn Thế Phú	62.500	1,25 %
Bà Nguyễn Thị Hằng	20.000	0,40 %
Bà Nguyễn Thị Thanh Sương	22.900	0,46 %
Bà Nguyễn Thị Xuân Thu	62.000	1,24 %
Ông Ngô Quang Thỏ	20.000	0,40 %
Ông Phạm Quang Tuấn	30.000	0,60 %
Ông Phạm Văn Dương	32.262	0,65 %



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Trịnh Thị Thanh Hà	20.000	0,40 %
Bà Đặng Phương Dung	20.000	0,40 %
Bà Đặng Thị Ngọc Hương	20.000	0,40 %
Bà Đỗ Việt Duyên	30.000	0,60 %
Và các cổ đông khác	1.056.038	21,12 %

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bông Việt Nam phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

TM. Hội đồng quản trị



Số : 333./BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về báo cáo Tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bông Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Nha Hố) được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

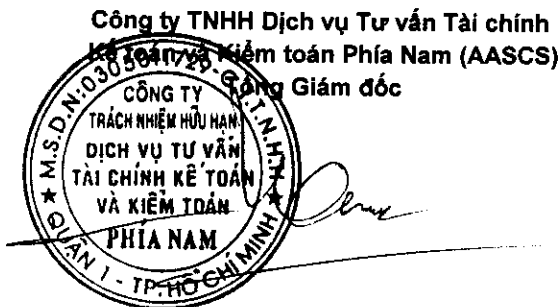
Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Trong năm tài chính, Công ty đã hạch toán một khoản thu nhập khác là 2.463.599.515 VND khi chưa đủ điều kiện ghi nhận.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam và công ty con (Công ty Cổ phần Bông Tây Nguyên và Công ty Cổ phần Giồng cây trồng Nha Hố) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2013

**Đỗ Khắc Thanh**

Chứng chỉ KTV số: Đ0064/KTV

Kiểm toán viên

Lê Văn Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0479 /KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		161.946.750.390	179.916.562.889
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		13.626.946.444	39.853.133.763
111	1. Tiền	03	10.056.946.444	16.203.133.763
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.570.000.000	23.650.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			2.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn	04		2.000.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		72.090.497.880	62.808.031.241
131	1. Phải thu khách hàng		51.653.472.152	58.845.294.198
132	2. Trả trước cho người bán		14.911.636.995	5.023.778.068
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Các khoản phải thu khác	05	20.240.980.961	12.411.342.876
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(14.715.592.228)	(13.472.383.901)
140	IV. Hàng tồn kho		67.970.307.910	67.604.924.128
141	1. Hàng tồn kho	06	73.465.507.253	74.455.724.014
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.495.199.343)	(6.850.799.886)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.258.998.156	7.650.473.757
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		775.611.677	1.791.911.466
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.047.242.595	100.623.826
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		4.436.143.884	5.757.938.465
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		68.923.944.458	75.697.227.389
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			1.178.877.605
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác	07		1.178.877.605
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			

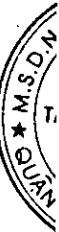


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
220	II. Tài sản cố định		49.445.895.808	59.967.482.192
221	1. Tài sản cố định hữu hình	08	40.349.652.027	45.875.306.222
222	- Nguyên giá		158.366.384.217	159.160.237.994
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(118.016.732.190)	(113.284.931.772)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình	09	3.813.199.610	3.853.735.793
228	- Nguyên giá		4.470.046.919	4.470.046.919
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(656.847.309)	(616.311.126)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	5.283.044.171	10.238.440.177
240	III. Bất động sản đầu tư		5.714.701.896	994.451.676
241	- Nguyên giá	11	8.789.285.521	3.292.377.160
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(3.074.583.625)	(2.297.925.484)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		12.224.004.055	12.224.004.055
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		12.024.004.055	12.024.004.055
258	3. Đầu tư dài hạn khác	12	200.000.000	200.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)			
260	V. Lợi thế thương mại		639.113.424	719.002.602
270	V. Tài sản dài hạn khác		900.229.275	613.409.259
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	900.229.275	613.409.259
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
273	3. Tài sản dài hạn khác			
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		230.870.694.848	255.613.790.278

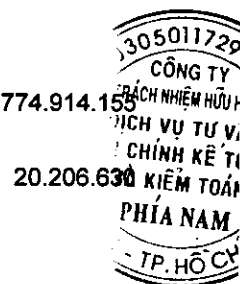


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		136.077.021.268	161.901.164.859
310	I. Nợ ngắn hạn		83.065.947.773	95.106.044.074
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	39.535.741.962	44.092.889.194
312	2. Phải trả người bán		9.242.141.116	12.477.084.873
313	3. Người mua trả tiền trước		7.811.301.110	8.705.592.163
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.094.935.896	6.295.403.185
315	5. Phải trả người lao động		2.901.830.469	8.628.441.253
316	6. Chi phí phải trả	16	279.419.200	517.067.943
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	20.633.598.119	13.596.813.774
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.566.979.901	792.751.689
330	II. Nợ dài hạn		53.011.073.495	66.795.120.785
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác			
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	53.011.073.495	66.774.914.155
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		78.384.939.685	76.466.604.673
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.	75.837.655.146	75.170.445.406
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		50.000.000.000	50.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(6.094.644)	(351.037)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.560.398.291	1.045.031.417
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.234.821.885	214.309.100
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(130.410.399)	(78.729.691)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.213.469.614	19.024.715.219
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		4.965.470.399	4.965.470.399
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.547.284.539	1.296.159.267
432	1. Nguồn kinh phí		2.547.284.539	1.296.159.267
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
500	C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		16.408.733.894	17.246.020.746
600	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		230.870.694.848	255.613.790.278



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

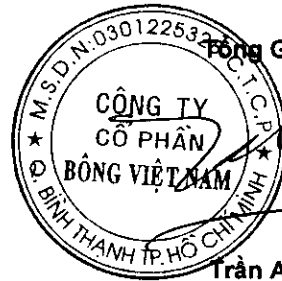
Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		4.786.930.000	3.509.930.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			3.132.216.081
5. Ngoại tệ các loại - Dollar Mỹ (USD)		20.951,48	70.535,90
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương



Trưởng Giám đốc

Trần Anh Hào



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	511.919.352.286	499.423.411.659
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.203.337.231	4.102.904.925
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	504.716.015.055	495.320.506.734
11	4. Giá vốn hàng bán	23	462.055.971.483	417.700.429.036
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.660.043.572	77.620.077.698
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	15.104.691.606	16.333.366.434
22	7. Chi phí tài chính	25	18.193.352.292	14.991.468.981
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.345.826.281	8.667.590.855
24	8. Chi phí bán hàng		9.385.172.423	6.980.671.437
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		20.419.802.097	36.669.272.774
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		9.766.408.366	35.312.030.940
31	11. Thu nhập khác		8.423.811.324	1.035.491.605
32	12. Chi phí khác		1.690.101.911	551.859.545
40	13. Lợi nhuận khác		6.733.709.413	483.632.060
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		16.500.117.779	35.795.663.000
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		1.824.107.342	5.703.200.065
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
53	17. Lợi ích của cổ đông thiểu số		2.546.454.333	5.262.333.431
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.129.556.104	24.830.129.504
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	26	2.426	4.966



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương



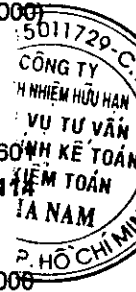
Tổng Giám đốc

Trần Anh Hào

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp trực tiếp)
 Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		623.513.100.667	565.639.393.371
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(475.310.839.995)	(410.095.893.212)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(20.160.653.712)	(18.605.958.593)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(16.173.765.210)	(14.151.476.534)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(12.466.975.723)	(5.854.813.161)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.552.829.702	87.432.966.382
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(140.460.471.107)	(159.272.800.276)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(25.506.775.378)	45.091.417.977
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(244.526.601)	(1.318.555.487)
22	2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác		656.818.182	605.250.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công nợ của đơn vị khác		(41.000.000.000)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		61.000.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.780.091.401	9.502.903.600
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		35.192.382.982	6.789.598.114
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			1.000.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		320.486.760.594	
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(350.071.095.517)	168.558.919.191
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			(220.575.194.224)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.313.968.328)	
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(35.898.303.251)	(52.015.275.033)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(26.212.695.647)	(134.258.942)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		39.853.133.763	40.043.466.657
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(13.491.672)	(56.073.952)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		13.626.946.444	39.853.133.763



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương

Nguyễn Thị Thanh Hương



Tổng Giám đốc

Trần Anh Hào

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam được chuyển đổi từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Bông Việt Nam theo Quyết định số 3587/QĐ-BCN ngày 13 tháng 12 năm 2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH nhà nước một thành viên Bông Việt Nam thành Công ty Cổ phần Bông Việt Nam.

Công ty Cổ phần Bông Việt Nam (tên giao dịch quốc tế là VIETNAM COTTON JOINT STOCK COMPANY - viết tắt là VCC) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007036; đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 06 năm 2007; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 08 tháng 10 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và thương mại

Ngành nghề kinh doanh:

- Trồng cây lấy sợi: trồng bông vải; sản xuất giống bông, cây trồng nông nghiệp
- Sản xuất dầu mỡ động, thực vật
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt: cung cấp giống cây trồng, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, dịch vụ hỗ trợ trồng trọt khác.
- Sản xuất sợi: chế biến bông, sản phẩm bông sau thu hoạch
- Sản xuất vải dệt thoi: sản xuất sản phẩm dệt may; Sản xuất sản phẩm từ plastic; - Sản xuất sắt, thép, gang
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp, thiết bị phục vụ sản xuất bông
- Mua bán bông xơ, mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán thuốc vào vệ thực vật
- Nghiên cứu phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kĩ thuật: dịch vụ nghiên cứu và phát triển ngành khoa học tự nhiên, công nghệ, dịch vụ nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học nông nghiệp; khoa học công nghệ vào cuộc sống
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, nông nghiệp
- Bán buôn vật liệu, phụ gia ngành xây dựng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Vốn điều lệ của Công ty: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỉ đồng chẵn)

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm thì không hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính mà để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để xóa số dư.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

+ Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 30 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải	02 - 11 năm
+ Thiết bị công cụ quản lý	03 - 08 năm
+ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Công ty kế thừa trước khi cổ phần hoá các khoản sau là tài sản cố định vô hình:

<i>Quyền sử dụng đất vô thời hạn</i>	<i>Nguyên giá</i>
+ Trạm bông Kông Chro (Gia Lai)	224.600.000
+ Trạm bông Trung tâm (Phan Thiết)	365.625.000
+ Trạm kiểm tra chất lượng và văn phòng công ty	1.504.225.380

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2012

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

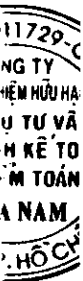
Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

3. TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
Tiền mặt	3.074.077.584	1.708.994.856
Tiền gửi ngân hàng	6.982.868.860	14.494.138.907
Tiền gửi VND	6.546.491.434	13.025.017.182
+ Ngân hàng Công thương	2.867.330.619	7.902.557.383
+ Ngân hàng Nông nghiệp	2.798.602.193	2.859.393.706
+ Ngân hàng Ngoại thương	10.218.852	2.170.247.504
+ Ngân hàng Phát triển Tp.HCM	13.586.348	9.626.369
+ Ngân hàng An Bình	1.079.026	1.055.358
+ Kho bạc Bình Thạnh		45.000.000
+ Ngân hàng Đông Á	2.171.841	1.831.520
+ Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN	1.171.549	1.157.071
+ Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL	819.075.559	1.320.473
+ Ngân hàng Á Châu	3.884.341	3.789.379
+ Ngân hàng Đầu tư Phát triển	29.371.106	29.038.419
Tiền gửi ngoại tệ	436.377.426	1.469.121.725
+ Ngân hàng Công thương	388.686.929	1.276.135.726
+ Ngân hàng Xuất nhập khẩu VN	23.536	69.357
+ Ngân hàng Đầu tư Phát triển		148.306.191
+ Ngân hàng Nông nghiệp	44.700.221	44.610.452
+ Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL	2.966.740	
Tương đương tiền	3.570.000.000	23.650.000.000
+ Ngân hàng Công thương	2.600.000.000	5.000.000.000
+ Ngân hàng Phát triển nhà ĐBSCL		3.000.000.000
+ Ngân hàng Nông nghiệp		10.000.000.000
+ Ngân hàng Ngoại thương	970.000.000	5.650.000.000
Cộng	13.626.946.444	39.853.133.763

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		
- Đầu tư ngắn hạn khác		2.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		
Cộng		2.000.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

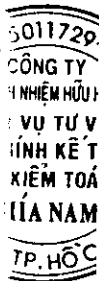
Đơn vị tính: VND

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
- Phải thu về cổ phần hoá		
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.101.702.000	
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	19.139.278.961	12.411.342.876
Cộng	20.240.980.961	12.411.342.876

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
- Hàng mua đang đi đường		
- Nguyên liệu, vật liệu	31.881.952.303	33.172.173.464
- Công cụ, dụng cụ	1.638.130.837	1.862.511.821
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.990.582.436	3.095.958.491
- Thành phẩm	26.770.572.890	21.062.690.592
- Hàng hóa	7.981.758.337	15.204.579.934
- Hàng gửi đi bán	3.202.510.450	57.809.712
- Hàng hóa kho bảo thuế		
- Hàng hóa bất động sản		
Cộng giá gốc hàng tồn kho	73.465.507.253	74.455.724.014



7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
- Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản tiền nhận ủy thác		
- Cho vay không có lãi		
- Phải thu dài hạn khác		1.178.877.605
Cộng		1.178.877.605

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	58.408.223.388	87.677.948.886	12.142.933.567	931.132.153		159.160.237.994
Số tăng trong năm			526.495.455	128.572.727		655.068.182
- Mua trong năm			526.495.455	128.572.727		655.068.182
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		962.624.808	421.084.921	65.212.230		1.448.921.959
- Thanh lý, nhượng bán		962.624.808	421.084.921	65.212.230		1.448.921.959
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	58.408.223.388	86.715.324.078	12.248.344.101	994.492.650		158.366.384.217
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	39.432.148.408	64.778.412.599	8.370.004.170	704.366.595		113.284.931.772
Số tăng trong năm	2.635.744.380	2.661.193.504	622.971.518	84.893.901		6.004.803.303
- Khấu hao trong năm	2.635.744.380	2.661.193.504	622.971.518	84.893.901		6.004.803.303
- Tăng khác						
Số giảm trong năm		802.816.846	404.973.809	65.212.230		1.273.002.885
- Thanh lý, nhượng bán		802.816.846	404.973.809	65.212.230		1.273.002.885
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	42.067.892.788	66.636.789.257	8.588.001.879	724.048.266		118.016.732.190
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	18.976.074.980	22.899.536.287	3.772.929.397	226.765.558		45.875.306.222
Tại ngày cuối năm	16.340.330.600	20.078.534.821	3.660.342.222	270.444.384		40.349.652.027

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;



44.121.370.268

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Năm 2012

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND					
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.470.046.919				4.470.046.919
Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tặng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	4.470.046.919				4.470.046.919
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	616.311.126				616.311.126
Số tăng trong năm	40.536.183				40.536.183
- Khấu hao trong năm	40.536.183				40.536.183
- Tặng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	656.847.309				656.847.309
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.853.735.793				3.853.735.793
Tại ngày cuối năm	3.813.199.610				3.813.199.610

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
+ Dự án công nghệ sinh học	2.237.818.619	2.237.818.619
+ Thăm định giá đất Bình Dương	149.380.000	149.380.000
+ Đất Phan Thiết (Phạm Ngọc Thạch)	54.972.364	
+ Kho Đồng Nai		5.096.977.091
+ 02 căn hộ chung cư	2.840.873.188	2.754.264.467
Cộng	5.283.044.171	10.238.440.177

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	3.292.377.160	5.496.908.361		8.789.285.521
Nhà	3.114.338.302	5.086.801.728		8.201.140.030
Cơ sở hạ tầng	178.038.858	410.106.633		588.145.491
Giá trị hao mòn lũy kế	2.297.925.484	776.658.141		3.074.583.625
Nhà	2.148.627.425	728.879.406		2.877.506.831
Cơ sở hạ tầng	149.298.059	47.778.735		197.076.794
Giá trị còn lại	994.451.676			5.714.701.896
Nhà	965.710.877			5.323.633.199
Cơ sở hạ tầng	28.740.799			391.068.697

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		200.000.000		200.000.000
+ Cty CP Bông vải & KD TH miền Đông				
+ Cty CP Bông vải Miền Bắc	20.000	200.000.000	20.000	200.000.000
- Đầu tư trái phiếu				
Cộng		200.000.000		200.000.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
- Chi phí trả trước dài hạn	900.229.275	613.409.259
Cộng	900.229.275	613.409.259

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
- Vay ngắn hạn (*)	39.535.741.962	44.092.889.194
+ Ngân hàng Công thương	4.751.400.000	20.084.465.214
+ Chi nhánh công ty tài chính dệt may	19.924.341.962	18.480.000.000
+ Ngân hàng NN & PTNT	14.860.000.000	5.528.423.980
- Nợ dài hạn đến hạn trả		
Cộng	39.535.741.962	44.092.889.194

(*) Chi tiết hợp đồng vay

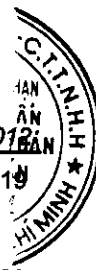
Đối tượng cho vay	Ngân hàng Công thương	CN Công ty Tài chính dệt may	NH Nông nghiệp & PTNT
Hợp đồng	Số 033/HĐTD ngày 27/04/2012	Số 11/2012/HĐKT-NH ngày 1/6/2012	22/06/CPG-HĐTD ngày 22/6/2012
Hạn mức	150.000.000.000 VND	20.000.000.000 VND	8.000.000.000 VND
Tài sản đảm bảo	Tài sản hình thành từ vốn vay	Tín chấp	Tài sản

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
- Thuế giá trị gia tăng	577.108.213	615.242.319
- Thuế tiêu thụ đặc biệt		
- Thuế xuất, nhập khẩu		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	223.745.382	4.973.737.939
- Thuế thu nhập cá nhân	294.082.301	307.895.149
- Thuế tài nguyên		
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất		
- Các loại thuế khác		398.527.778
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Cộng	1.094.935.896	6.295.403.185

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
- Chi phí bốc vác	28.989.900	92.060.100
- Chi phí vận chuyển	60.238.500	138.511.500
- Các khoản trích trước vào thành phẩm	32.211.000	
- Chi phí phải trả khác	157.979.800	286.496.343
Cộng	279.419.200	517.067.943



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

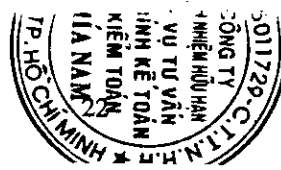
Năm 2012

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỉ giá hối đoái	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000		48.937.500	4.875.340.000	3.185.984.750	195.915.645	18.885.985
Tăng vốn trong kì trước							
Lãi trong kì trước					24.830.129.504		
Tăng từ Cty CP Giống cây trồng Nha Hồ		(103.805.442)			4.023.288.793	567.663.926	
Tăng khác		114.786.367	435.131.673	124.660.000	8.118.360	281.464.963	195.425.121
Giảm vốn trong kì trước							
Chia cổ tức					10.000.000.000		
Trích quỹ từ lợi nhuận					629.299.262		
Giảm khác		89.710.616	484.420.210	34.529.601	2.393.506.926	13.117	2.006
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	(78.729.692)	(351.037)	4.965.470.399	19.024.715.219	1.045.031.417	214.309.100
Tăng vốn trong kì này							
Lãi trong kì này					12.129.556.104		
Tăng khác		199.076.704			298.950.316	2.515.366.874	2.020.512.784
Giảm vốn trong kì này							
Chia cổ tức					10.000.000.000		
Trích quỹ từ lợi nhuận					1.158.612.599		
Giảm khác		250.757.411	5.743.607		5.081.139.425		
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	(130.410.399)	(6.094.644)	4.965.470.399	15.213.469.614	3.560.398.291	2.234.821.885



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

19. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2012</u>	%	<u>01/01/2012</u>	%
Vốn góp của Nhà nước	27.500.000.000	55%	27.500.000.000	55%
Vốn góp của các đối tượng khác	22.500.000.000	45%	22.500.000.000	45%
Cộng	<u>50.000.000.000</u>	100%	<u>50.000.000.000</u>	100%

- Số lượng cổ phiếu quỹ

19. c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kì	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kì		
Vốn góp giảm trong kì		
Vốn góp cuối kì	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	10.000.000.000	

19. d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng/ cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu bán hàng	494.185.352.833	484.521.653.358
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17.733.999.453	14.901.758.301
Cộng	511.919.352.286	499.423.411.659

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
Chiết khấu thương mại	209.460.000	184.747.750
Giảm giá hàng bán	60.293.854	3.916.097.175
Hàng bán bị trả lại	6.933.583.377	2.060.000
Cộng	7.203.337.231	4.102.904.925

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	486.982.015.602	480.418.748.433
Doanh thu thuần dịch vụ	17.733.999.453	14.901.758.301
Cộng	504.716.015.055	495.320.506.734

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
Giá vốn của hàng hóa đã bán	294.630.553.569	249.965.205.186
Giá vốn của thành phẩm đã bán	157.611.073.289	157.611.073.289
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.525.536.038	4.525.536.038
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.288.808.587	5.598.614.523
Cộng	462.055.971.483	417.700.429.036

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.907.371.971	4.898.747.166
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.720.084.000	4.162.686.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.331.241	2.084.575.972
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		421.308.474
- Lãi bán hàng trả chậm	1.444.904.394	4.624.777.890
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		141.270.932
Cộng	15.104.691.606	16.333.366.434



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
- Lãi tiền vay	16.345.826.281	9.563.654.442
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	943.842.781	943.842.781
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	903.683.230	4.483.971.758
Cộng	18.193.352.292	14.991.468.981

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm 2012	Năm 2011
- Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông	12.129.556.104	24.830.129.504
- Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	2.426	4.966

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.657.973.575	137.197.768.791
Chi phí nhân công	17.164.596.825	23.365.728.483
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.821.997.627	6.707.813.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.011.166.967	10.511.586.989
Chi phí khác bằng tiền	14.434.531.514	17.862.978.118
Cộng	195.090.266.508	195.645.875.651

28. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

28.1. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty CP Bông vải Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Sợi Phú Bài	Công ty liên kết

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
Công ty CP Bông vải Miền Trung	Mua bông xơ	3.912.484.419
Công ty CP Bông vải Miền Trung	Mua phương tiện vận tải	495.000.000
Công ty CP Sợi Phú Bài	Cổ tức 2011	2.250.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả
Công ty CP Bông vải Miền Trung	Mua bông xơ	2.392.163.750

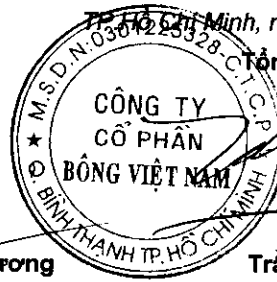
28.2. Số liệu so sánh

Số dư đầu kì là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm 2009 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương



Tổng Giám đốc

Trần Anh Hào